TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỐT NỐT** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST
Ngày 12 – 8 - 2020
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Khúc Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Kim Phượng – Nguyên Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ quận Thốt Nốt

2/ Ông Kiều Văn Cách – Cán bộ hưu trí

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 63/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2020/QĐXX-ST ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị **Nguyễn Thị Xuân N**, sinh năm 1992, *có mặt*

Nơi cư trú: khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: anh **Lê Hoàng L**, sinh năm 1983, *yêu cầu vắng mặt*

ĐKTT: khu vực C, phường D, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: khu vực E, phường F, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền, lợi ích được bảo vệ: cháu **Lê Nguyễn Xuân D**, sinh ngày 17/9/2011, *có mặt*

Địa chỉ: khu vực A , phường B, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Người làm chứng: chị **Trần Như Diễm T**, sinh năm 1974, *yêu cầu vắng mặt*

Địa chỉ: số 29 khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân N trình bày như sau:

Hôn nhân giữa chị và anh L đến với nhau thông qua mai mối nên quen biết, tìm hiểu khoảng 04 tháng tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn ngày 25/02/2011 tại UBND phường F, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Theo chị N đời sống hôn nhân của vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2011 thì

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, Anh L không lo gia đình ham mê đánh bạc, vì con nên chị Nếu lần bỏ qua mọi thứ để vợ chồng cùng lo cho gia đình nhưng anh L không thay đổi. Sống ly thân từ 2015 cho đến nay, thời gian ly thân chị dẫn hai con về nhà mẹ ruột ở, chị có liên hệ gặp anh L cùng nhau hàn gắn tình cảm để về chung lo gia đình nhưng nhận thấy anh L vẫn không thay đổi được.

Nay nhận thấy về tình cảm đối với anh L không còn nữa nên xin được ly hôn với anh L.

Về con chung: Theo chị N, vợ chồng chung sống có 02 con chung cháu Lê Nguyễn Xuân D, sinh ngày 17/9/2011; Lê Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 07/4/2015. Ngoài ra không còn con nuôi, riêng nào khác. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi hai con và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm thuê tại quán nước Hồng N ở khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt lương 6.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, riêng và nợ: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lê Hoàng L trong quá trình giải quyết vụ án trình bày :

Về hôn nhân: anh thống nhất lời trình bày của chị N về thời gian tìm hiểu yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn thống nhất vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh có đi làm thuê kiếm tiền lo cho gia đình, cũng có tham gia đánh bạc nhưng có ý thức lo gia đình chứ không bỏ mặc tất cả. Sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, thời gian ly thân chị N dẫn hai con về nhà mẹ ruột ở còn anh sống riêng. Tháng 02/2020 vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn do mùa dịch covid 19 ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Do vẫn còn tình cảm và lo cho con chung nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: thống nhất với chị N, có 02 con chung là đúng. Trường hợp ly hôn anh yêu cầu nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh đang làm việc tại công ty Hoàng Lộc Phát Thốt Nốt, lương 9.000.000đ/tháng, nhưng theo bảng lương có 3.700.000đ.

Về tài sản chung, riêng, và nợ: không yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi ích được bảo vệ cháu Lê Nguyễn Xuân D: cháu là con chung của chị N và anh L. Hiện nay cháu đang sống chung với chị N. Cha và mẹ ly hôn có nguyện vọng sống với mẹ, không ý kiến, không yêu cầu gì khác đối với cha.

Người làm chứng chị Trần Như Diễm T trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: chị là chủ quán nước Hồng N tại khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt, chị thuê chị N phụ bán quán nước cho chị, lương 6.000.000đ/tháng.

Theo biên bản xác minh ngày 23/6/2020, về hôn nhân: giữa chị N và anh L là vợ chồng có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung. Anh, chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn không rõ.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân N. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Xuân N được ly hôn với anh Lê Hoàng L; Về con: giao cháu Lê Nguyễn Xuân D, sinh ngày 17/9/2011; Lê Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 07/4/2015 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18

tuổi, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, riêng và nợ không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Xuân N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Hoàng L, vì vậy quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là: "Xin ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Lê Hoàng L có nơi cư trú tại: khu vực E, phường F, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn và Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt căn cứ Điều 227, 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị N và anh L là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo chị N và anh L trình bày nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do bất đồng quan điểm sống, anh L tham gia đánh bạc, mâu thuẫn kinh tế gia đình. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2015 đến nay. Tòa án đã tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho anh chị đoàn tựu cùng nhau chung tay xây dựng gia đình lo tương lai con chung nhưng chị N vẫn cương quyết ly hôn. Hôn nhân xuất phát từ sự tự nguyện của hai người, có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, anh L không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm và lo cho con chung, nhưng chị N Không đồng ý. Nếu kéo dài mối quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho anh chị. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh L là phù hợp.

[3] Về con: chị N và anh L đều thống nhất có 02 con chung cháu Lê Nguyễn Xuân D, sinh ngày 17/9/2011; Lê Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 07/4/2015. Khi ly hôn cả chị N và anh L đều xin được quyền nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có ấn định thời gian để đương sự cung cấp khả năng và điều kiện nuôi con, anh L trình bày anh làm lương tháng 9.000.000đ, nhưng theo bảng lương có 3.700.000đ tại công ty Hoàng Lộc Phát Thốt Nốt, nhưng anh không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của anh. Chị N có cung cấp cho Tòa án đơn xin xác nhận lương tháng ngày 30/6/2020 chứng minh thu nhập 6.000.000đ/tháng yêu cầu được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, chị N và anh L đều có điều kiện nuôi con như nhau. Tuy nhiên, từ khi chị N và anh L ly thân nhau hai con chung đều do chị N trực tiếp chăm sóc, hơn nữa cháu D đã trên 07 tuổi có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó, cần giao hai con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của cháu D, cũng đảm bảo được về mặt giáo dục và không ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của các cháu về môi trường sống. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, riêng và nợ: đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: nguyên đơn phải nộp theo quy định.

[4] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất ý kiến về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định và quyết định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 4; 5; 6 Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; 227; 228; Điều 229; Điều 235; Điều 264 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, 53, 54, 56, 57, 59, 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Xuân N về việc " Xin ly hôn" đối với anh Lê Hoàng L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Xuân N được ly hôn với anh Lê Hoàng L.

1.2. Về con chung: giao cháu Lê Nguyễn Xuân D, sinh ngày 17/9/2011; Lê Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 07/4/2015 cho chị Nguyễn Thị Xuân N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh Lê Hoàng L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Lê Hoàng L, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, riêng và nợ: không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

2. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Xuân N phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm nộp án phí theo biên lai số AA/2019/012225 ngày 04/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, chị N không phải nộp thêm án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm, riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết nơi cư trú.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKS quận Thốt Nốt;
- Chi THA dân sự quận Thốt Nốt;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Khúc Thị Hồng